TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 17-8-2022
V/v "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc *"Ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Thị H**, sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị H và ông Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn với nhau và năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng hơn 03 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại ấp 2, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông L ăn chơi, nhậu nhẹt không quan tâm chăm lo cho gia đình, nhiều lần lấy xe máy và điện thoại của bà H và con bà H đi bán lấy tiền tiêu xài riêng mặc dù bà Thị H đã khuyên bảo và tha thứ nhiều lần nhưng ông L vẫn không thay đổi, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thị H xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn L1, sinh ngày: 26/5/2013 và Nguyễn Văn T, sinh ngày: 28/02/2015. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà H không có mang thai, vợ chồng không nhận ai làm con nuôi.

Về tài sản chung: Bà Thị H khẳng định không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Thị H khẳng định không nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai - bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông L thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân. Trong thời gian chung sống, ông L thừa nhận ông và bà Thị H có mâu thuẫn, ông L có ham chơi, tự ý bán tài sản không báo cho vợ biết, nhưng ông cũng đã cố sửa sai, dùng tiền chuộc lại tài sản, ông L có thường uống rượu và có cãi nhau với bà Thị H những chuyện lặt vặt, nhưng không có mâu thuẫn trầm trọng. Ông L vẫn đi làm kiếm tiền chăm lo cho vợ con. Nay bà H làm đơn khởi kiện ly hôn thì ông L không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có có 02 con chung tên Nguyễn Văn L1, sinh ngày: 26/5/2013 và Nguyễn Văn T, sinh ngày: 28/02/2015. Vì không đồng ý ly hôn, nên ông L không có ý kiến gì về con chung. Hiện bà H không có mang thai, vợ chồng không có nhận ai làm con nuôi.

Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông L không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

+ Về con chung: Giao cho bà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung tên Nguyễn Văn L1, sinh ngày: 26/5/2013 và Nguyễn Văn T, sinh ngày: 28/02/2015.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà Thị H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Thị H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Thị H có đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn L tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Ông Nguyễn Văn L có hộ khẩu và sinh sống tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Thị H và ông Nguyễn Văn L tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo giấy nhận kết hôn số 80/2013 ngày 07/11/2013 của UBND xã Lộc Thiện. Vì vậy, hôn nhân giữa bà Thị H và ông Nguyễn Văn L là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà Thị H cho rằng vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông L ăn chơi, nhậu nhẹt không quan tâm chăm lo cho gia đình, nhiều lần lấy xe máy và điện thoại của bà H và con bà H đi bán lấy tiền tiêu xài riêng mặc dù bà Thị H đã khuyên bảo và tha thứ nhiều lần nhưng ông L vẫn không thay đổi, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Thị H xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Trong quá trình giải quyết, ông L thừa nhận giữa ông và bà Thị H có mâu thuẫn, ông L có ham chơi, tự ý bán tài sản không báo cho vợ biết, nhưng ông cũng đã cố sửa sai, dùng tiền chuộc lại tài sản, ông L có thường uống rượu và có cãi nhau với bà Thị H những chuyện lặt vặt, nhưng không có mâu thuẫn trầm trọng. Ông L vẫn đi làm kiếm tiền chăm lo cho vợ con. Nay bà H làm đơn khởi kiện ly hôn thì ông L không đồng ý.

Tại phiên tòa bà Thị H khẳng định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông L nữa và cương quyết xin ly hôn. Ông L cũng đã được Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hóa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng ông L cũng không có mặt và cũng không có biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Thị H và ông Nguyễn Văn L đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà Thị H và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung tên Nguyễn Văn L1, sinh ngày: 26/5/2013 và Nguyễn Văn T, sinh ngày: 28/02/2015.

Xét thấy bà Thị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và nguyện vọng của 02 con chung cũng muốn sống chung với mẹ nên cần giao cho bà Thị H chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Văn L1 và Nguyễn Văn T là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Thị H và ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Thị H và ông L khẳng định không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà H phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Lộc Ninh là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 và Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị H

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2/ Về con chung: Giao cho bà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Nguyễn Văn L1, sinh ngày: 26/5/2013 và Nguyễn Văn T, sinh ngày: 28/02/2015.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về tài sản chung: Bà Thị H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5/ Về nợ chung: Bà Thị H và ông Nguyễn Văn L khẳng định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thị H phải chịu 300.000đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số: 0009808 ngày 28/4/2022.

7/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *UBND xã Lộc Thiện*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Quyết